

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên tòa: không.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Xuống B, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 14, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ 14, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện lại ngày 30 tháng 5 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Xuống B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Từ tháng 01 năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn, nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Nguyễn Quốc T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2006, bà B yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

- Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với ý kiến trình bày của bà B. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông cho rằng do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cãi vã. Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B.

Về con chung: Nguyễn Quốc T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2006, tôi đồng ý giao con chung cho bà B nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

- Cháu Nguyễn Quốc T có ý kiến như sau: Nếu cha mẹ ly hôn, thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn T hiện nay sinh sống tại Tổ 14, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ 1996, nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì “*Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Từ đó, không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Dương Xuống B và ông Nguyễn Văn T theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Nguyễn Quốc T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2006, Bà B yêu cầu được quyền nuôi con chung, cháu T cũng có nguyện vọng được sống

với mẹ và ông T đồng ý giao con chung cho Bà B nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận này phù hợp pháp luật và phù hợp nguyện vọng cháu T, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung Bà B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.
- Về án phí: Bà B khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Dương Xuống B đối với ông Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Dương Xuống B và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Dương Xuống B được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Quốc T, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2006. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Dương Xuống B cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Xuống B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu số: TU/2016/0004260 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà B đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ